

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2026.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quốc Dự.
2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Minh Hoàng, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Yến N, sinh ngày 24/4/2002, căn cước công dân số: 095302008014 cấp ngày 11/8/2022 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trương Minh C, sinh ngày 01/01/1996, căn cước công dân số: 095096006127 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2026 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Yến N trình bày: Chị và anh C xây dựng hôn nhân thông qua mai mối vào năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, chị và anh C có 01 người con chung là cháu Trương Minh K, sinh ngày 01/6/2025. Hiện nay, cháu K đang sống cùng anh C còn. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

Thời gian đầu, chị và anh C sống hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì bất đồng quan điểm sống nên cãi nhau khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh C thường xuyên nhậu nhẹt, khi con bệnh không chăm lo. Giữa chị và mẹ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn tiền bạc, anh C thì nghe lời mẹ nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Về tài sản chung, chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung, chị đồng ý giao cháu K cho anh C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Trương Minh C từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh C để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh C nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh C. Tuy nhiên, bà Tống Thị O là mẹ đẻ của anh C có nộp cho Tòa án văn bản xác định là ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, cụ thể: Anh C không đồng ý ly hôn với chị N và xác định chị N có người đàn ông khác, đã bỏ đi từ khi con được 5,5 tháng mà không lo cho con. Anh và chị N có nợ chung và yêu cầu Tòa án xem xét. Ngoài ra, anh C không trình bày gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh C. Về con chung, giao cháu Trương Minh K, sinh ngày 01/6/2025 cho anh Trương Minh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, chị N và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết. Về nợ chung, anh C xác định có nợ chung nhưng không nêu rõ là nợ ai, nợ như thế nào nên không có cơ sở xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Yến N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Trương Minh C. Khi khởi kiện, anh C có địa chỉ tại ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số

85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị Yên N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Trương Minh C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Yên N và anh Trương Minh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2024 ngày 18 tháng 7 năm 2024 nên hôn nhân giữa chị N và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Lê Thị Yên N xác định Thời gian đầu, chị và anh C sống hạnh phúc nhưng sau một thời gian thì bất đồng quan điểm sống nên cãi nhau khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh C thường xuyên nhậu nhẹt, khi con bệnh không chăm lo. Giữa chị và mẹ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn tiền bạc, anh C thì nghe lời mẹ nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Anh C lại xác định chị N đã có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, đã bỏ con không lo từ khi con được 5,5 tháng tuổi. Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 6 năm 2026, bà Tổng Thị O là mẹ đẻ của anh C xác định *“Chị N và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên hiện nay hai người đã sống ly thân... Hiện nay, cháu K đang sống cùng bà. Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho anh C thì bà có thông báo cho anh C biết nhưng anh C bận công việc nên không về. Về tài sản chung và nợ chung của anh C và chị N thì bà không rõ.”*. Bản thân chị N và anh C đều xác định giữa hai người có mâu thuẫn và không giải quyết được nên hiện đang sống ly thân. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh C đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh C biết chị N yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N, điều này thể hiện thông qua việc anh C biết Tòa án triệu tập nhưng có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh C có một người con chung là cháu Trương Minh K, sinh ngày 01/6/2025. Hiện nay, cháu K đang sống cùng anh C. Khi ly hôn chị N đồng ý giao con cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay, cháu K sống cùng anh C vẫn được chăm sóc tốt, phát triển bình thường. Vì vậy, cần giao

cháu Trương Minh K, sinh ngày 01/6/2025 cho anh C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định chị và anh C tự thỏa thuận còn anh C thì không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Lê Thị Yến N xác định quá trình chung sống, chị và anh C không có nợ chung còn anh C xác định giữa hai người có nợ chung và yêu cầu giải quyết nhưng lại không cung cấp thông tin chủ nợ và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa anh và chị N có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về nhân và gia đình: Chị Lê Thị Yến N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật nhân và đình; Các Điều 4, 6, 7 và 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Yến N đối với anh Trương Minh C. Xử cho chị Lê Thị Yến N được ly hôn với anh Trương Minh C.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Minh K, sinh ngày 01/6/2025 cho anh Trương Minh C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Lê Thị Yến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Minh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Yến N và anh Trương Minh C tự thoả thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Lê Thị Yến N xác định không có, anh Trương Minh C không xác định thông tin cụ thể về nợ chung nên không giải quyết.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về nhân và gia đình: Chị Lê Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Lê Thị Yến N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003322 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Cà Mau;
- UBND xã Vĩnh Lộc, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu